

KHẢO SÁT LỖI PHÁT ÂM PHỤ ÂM TRONG QUÁ TRÌNH THỤ ĐẮC TIẾNG VIỆT (Trường hợp người Trung Quốc học tiếng Việt tại Đài Loan)

NGUYỄN THỊ LINH*

Abstract: Teaching Vietnamese as a foreign language in Vietnam has more than 60 years of history. Outside Vietnam, Vietnamese has also become an elective foreign language subject at all education levels in many countries. Therefore, the development of reference materials for Vietnamese teachers is extremely necessary. In this article, the author will firstly introduce the “Error Analysis theory”, and then use this theory to investigate the common errors in pronouncing Vietnamese consonants by Chinese native speakers. This study establishes common Vietnamese consonant pronunciation error patterns of Chinese. It is hoped that these error patterns will help Vietnamese teachers select appropriate teaching strategies to improve the learners’ pronunciation. The results of this study also contribute to designing the Vietnamese textbooks or Vietnamese reference materials for the learners of Vietnamese.

Key words: *analysis error, error of Vietnamese consonants, Vietnamese pronunciation, pronunciation errors.*

1. Mở đầu

Tại Việt Nam, tiếng Việt được giảng dạy như là một ngôn ngữ thứ hai, có lịch sử hơn 60 năm. Hiện nay, tiếng Việt ngày càng được coi trọng và trở thành môn học tự chọn ở các cấp tại nhiều nước trên thế giới [4]. Do vậy, việc xây dựng các lý thuyết về giảng dạy tiếng Việt là vô cùng quan trọng và cấp thiết. Những lý thuyết này sẽ là những tài liệu tham khảo hữu ích cho người dạy, giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy và giúp việc xây dựng hệ thống các lý thuyết dạy tiếng Việt một cách hoàn chỉnh hơn. Trong bài viết này, người viết giới thiệu về lý thuyết phân tích lỗi và trình bày kết quả khảo sát lỗi phát âm phụ âm tiếng Việt của người học có tiếng mẹ đẻ là tiếng Trung tại Đài Loan. Dựa vào lý thuyết phân tích lỗi tìm ra nguyên nhân và quy luật lỗi để phân loại lỗi phụ âm tiếng Việt mà người học thường hay mắc phải.

2. Một số vấn đề lý thuyết

2.1. Khái niệm lỗi, phân tích lỗi và lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai

a. Khái niệm lỗi

Có nhiều định nghĩa khác nhau về lỗi. Với nội dung của bài viết và thực tiễn dạy học tiếng Việt ở Đài Loan, tôi sử dụng khái niệm lỗi của Jack C. Richards và Richard W. Schmidt: “Lỗi của người học (trong khi nói hoặc viết một ngôn ngữ thứ hai hay một ngoại ngữ) là hiện tượng sử dụng một đơn vị ngôn ngữ (chẳng hạn một từ, một câu, một đơn vị ngữ pháp) bằng cách mà người bản ngữ hoặc người giỏi thứ tiếng đó cho là sai hoặc cho là chưa đầy đủ v.v... Đôi khi lỗi còn được phân loại thành lỗi ngữ âm, lỗi từ vựng, lỗi ngữ pháp và lỗi ngữ dụng” [7, tr.204].

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

b. Phân tích lỗi và lí thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ hai

Năm 1957, Lado là người khởi xướng sử dụng chủ nghĩa cấu trúc của ngôn ngữ học và chủ nghĩa hành vi của tâm lí học làm cơ sở lí thuyết cho phân tích so sánh [11]. Đến năm 1959, Noam Chomsky đã đưa ra nhận định về Skinner trong một bài báo nghiên cứu của mình (*A review of Skinner*) [12]. Bài nghiên cứu đó đã đưa nghiên cứu ngôn ngữ học chuyển từ chủ nghĩa hành vi sang sự phát triển của ngữ pháp và tâm lí học nhận thức. Mặc dù lí thuyết của Chomsky sau này được mở rộng sang lĩnh vực cú pháp, nhưng đồng thời nó cũng mang lại những ảnh hưởng lớn đến tâm lí học nhận thức, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học tâm lí và các ngành khác.

Trong khía cạnh tiếp thu ngôn ngữ, tác động lớn nhất chính là việc chuyển trọng tâm tiếp thu ngôn ngữ từ người dạy sang người học, sau đó từ phân tích đối chiếu cấu trúc giữa các ngôn ngữ sang phân tích các lỗi mà người học mắc phải trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ mới. Stephen Pit Corder là người đầu tiên sử dụng lí thuyết ngôn ngữ trung gian làm cơ sở lí thuyết để phân tích lỗi và tin rằng việc so sánh cấu trúc ngôn ngữ giúp giáo viên phát hiện ra các quy luật lỗi mà người học mắc phải trong giảng dạy và đưa ra những ngữ liệu tham khảo quan trọng trong quá trình thiết kế nội dung và chiến lược giảng dạy. Do đó, phân tích lỗi đã trở thành lí thuyết nghiên cứu quan trọng nhất đối với các nhà nghiên cứu ngôn ngữ thứ hai. Theo mô hình phân tích lỗi của Stephen Pit Corder, tiến trình phân tích lỗi bao gồm 5 bước theo thứ tự như sau:

(1) Chọn ngữ liệu phân tích: Phải tính đến sự đồng nhất về ngữ liệu (trình độ, tuổi tác, giới tính, tiếng mẹ đẻ, môi trường học tiếng đã trải qua).

(2) Xác định lỗi: Cần quan tâm đến 4 vấn đề cơ bản. Thứ nhất, xác định chuẩn để làm cơ sở nhận dạng lỗi. Thứ hai, phân biệt lỗi ngữ năng (competence errors) và lỗi hành năng (performance errors). Stephen Pit Corder cho rằng chỉ cần nghiên cứu lỗi ngữ năng mà thôi. Thứ ba, xác định xem là lỗi tường minh, có kết cấu hình thức lệch chuẩn một cách rõ ràng, hay lỗi tiềm ẩn, hình thức đúng chuẩn nhưng kết cấu nghĩa không phù hợp trong ngữ cảnh. Thứ tư, xét lỗi theo chuẩn quy luật ngôn ngữ hay theo dụng học.

(3) Miêu tả lỗi: Phân loại và miêu tả lỗi tùy theo tiêu chí và mục đích nghiên cứu.

(4) Giải thích lỗi: Lỗi sau khi được phân loại, sẽ tiếp tục được so sánh, đối chiếu một cách chi tiết với chuẩn để làm căn cứ tìm nguyên nhân gây lỗi.

(5) Đánh giá lỗi: Xem xét mức độ nghiêm trọng của lỗi và ảnh hưởng của lỗi đến nội dung thông tin của phát ngôn.

Trọng điểm của nghiên cứu phân tích lỗi tập trung vào những lỗi của người học khi thụ đắc ngôn ngữ thứ hai. Lí thuyết phân tích lỗi cũng cho rằng nguyên nhân dẫn đến lỗi khi thụ đắc ngôn ngữ thứ hai không chỉ là những ảnh hưởng tiêu cực của tiếng mẹ đẻ mà còn có nhiều nguyên nhân khác [10], như: chuyển dịch ngôn ngữ ngoại biên, chuyển dịch ngôn ngữ nội biên, chuyển dịch văn hóa xã hội, chiến lược học tập, lỗi giảng dạy,... Ngoài ra, nghiên cứu lỗi cũng chú ý đến các dạng lỗi mắc phải, sau khi tổng kết các dạng lỗi mà thể hiện được quy luật hình thành lỗi thì có thể được phân loại theo nhiều khía cạnh khác nhau, như:

- Tính nghiêm trọng của lỗi: tức là lỗi có xuất hiện ở phần chính hay không và mức độ ảnh hưởng đến ý nghĩa của nó thế nào, có thể được chia thành: lỗi toàn diện (Global Errors), lỗi cục bộ (Local Errors);

- Theo giai đoạn học tập: từ trình độ hay mức độ nhận thức học tập có thể chia thành: lỗi trước hệ thống, lỗi hệ thống, lỗi sau hệ thống;

- Theo các đặc điểm hình thức của lỗi, có thể chia thành bốn loại lỗi: thêm vào, bỏ sót, thay thế và sai trật tự.

Trong việc giảng dạy ngôn ngữ thứ hai thì lý thuyết phân tích lỗi chiếm vai trò vô cùng quan trọng vì những lợi ích sau:

- Phân tích lỗi được cho rằng có nhiều nguyên nhân dẫn đến lỗi chứ không chỉ đơn thuần là việc chuyển dịch từ tiếng mẹ đẻ.

- Phân tích lỗi được phân loại từ nhiều góc độ giúp các loại lỗi được phân biệt rõ ràng hơn.

- Yêu cầu, tùy theo các loại lỗi khác nhau mà có các phương pháp học tập khác nhau và các chiến lược giảng dạy khác nhau, phủ định quan điểm bắt buộc phải sửa các phát âm sai hay thái độ cực đoan trong việc bỏ mặc (để tự nhiên) không can thiệp.

- Phát âm lỗi là một bộ phận của ngữ âm trung gian và phân tích lỗi ngữ âm là bước đầu tiên trong việc nghiên cứu về cách học.

- Thông qua việc tiến hành miêu tả và giải thích một cách tỉ mỉ các lỗi ngữ âm, giúp cung cấp những phản hồi có giá trị cho việc giảng dạy và tạo cơ sở quan trọng cho phương pháp giảng dạy.

Đóng góp của phân tích lỗi thể hiện được thái độ đối mặt với các lỗi ngôn ngữ của ngôn ngữ học một cách tích cực và đúng đắn, và không còn là tiêu cực. Tuy nhiên, ở góc độ lỗi, nếu chỉ quan tâm đến lỗi của người học và xem nhẹ việc phản hồi chính xác của người học trong quá trình học thì sẽ dẫn tới những vấn đề sau [10]:

- Phân tích lỗi dù đã tổng kết những nguyên nhân mắc lỗi, nhưng khi giải thích nguyên nhân của các lỗi cụ thể vẫn còn gặp những khó khăn vì có lúc lỗi mắc phải có thể từ nhiều mặt, những nguyên nhân khác nhau này tạo nên một hiện tượng tổng hợp và cũng có thể do người học mà khác.

- Phân tích lỗi mặc dù đã được phân loại từ nhiều khía cạnh nhưng khi tiến hành phân loại các lỗi cụ thể cũng luôn gặp phải vấn đề, không thể đưa ra được một tiêu chuẩn định lượng, và chưa chú trọng khía cạnh ngữ dụng hay văn bản.

- Do nguyên nhân gây ra lỗi rất phức tạp, nên khi dự đoán lỗi mà người học mắc phải đối với một ngôn ngữ thứ hai cụ thể nào đó, đặc biệt là những hiện tượng riêng lẻ thì vẫn tồn tại một độ khó nhất định.

Mặc dù vẫn còn những hạn chế trong phân tích lỗi nhưng chỉ cần người dạy hiểu được những hạn chế của nó, nắm vững các dạng lỗi, vận dụng linh hoạt kiến thức ngôn ngữ và kinh nghiệm vào giảng dạy thực tế thì họ vẫn có thể bù đắp được những hạn chế của lý thuyết phân tích lỗi.

2.2. Các kiểu lỗi giao thoa ngữ âm thường gặp

Theo Uriel Weinreich trong công trình *Các ngôn ngữ trong tiếp xúc* [9], hiện tượng giao thoa xảy ra khi cá thể song ngữ đồng nhất âm vị của ngôn ngữ đích với âm vị ngôn ngữ nguồn, và âm vị đó được tạo sản theo các nguyên tắc của ngôn ngữ nguồn. Nghiên cứu giao thoa ngữ âm nhằm chỉ ra bằng cách nào mà cá thể song ngữ tiếp nhận và tạo sản ngôn ngữ nguồn theo nguyên tắc của ngôn ngữ đích. Từ góc độ âm vị học, Uriel Weinreich phân loại giao thoa ngữ âm của hai ngôn ngữ thành bốn loại sau [9]:

(1) Giao thoa dưới mức khu biệt (under-differentiation): Giao thoa xảy ra khi cá thể song ngữ lẫn lộn các âm vị của ngôn ngữ đích, vốn không khu biệt ở ngôn ngữ nguồn.

(2) Giao thoa trên mức khu biệt (over-differentiation): Giao thoa xảy ra khi cá thể song ngữ đưa tiêu chí khu biệt đặc trưng cho ngôn ngữ nguồn vào ngôn ngữ đích.

(3) Giao thoa tái thuyết nét khu biệt (re-interpretation): Giao thoa xảy ra khi cá thể song ngữ phân biệt các âm vị ở ngôn ngữ đích theo các tiêu chí đặc trưng cho hệ thống âm vị ngôn ngữ nguồn.

(4) Giao thoa thay thế âm tố (phone substitution): Giao thoa xảy ra khi cá thể song ngữ thay thế âm vị đích bằng một âm vị nguồn. Hai âm vị của ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích có thể là tương tự nhau nhưng trong thực tiễn giao tiếp không cho phép người học thay thế trực tiếp một âm vị trong ngôn ngữ đích bằng một âm vị trong ngôn ngữ nguồn vì hai âm vị đều có những nét khu biệt khác nhau.

2.3. Sự khác biệt của hệ thống âm vị phụ âm tiếng Việt và tiếng Trung

Theo công trình *Ngữ âm tiếng Việt* của Đoàn Thiện Thuật [6], tiếng Việt có tổng cộng 22 phụ âm đầu, bao gồm: /b, m, f, v, t', t, d, n, s, z, l, ʈ, ʂ, ʑ, c, ɟ, k, ŋ, ɕ, ʎ, h, ʔ/. Bảng phụ âm đầu của tiếng Việt theo vị trí cấu âm và phương thức phát âm, như sau:

Bảng 1. Bảng phụ âm đầu của tiếng Việt

Định vị				Môi	Đầu lưỡi		Mặt lưỡi	Góc lưỡi	Thanh hầu
Phương thức					Bệt	Quặt			
Tắc	Ồn	Bật hơi			tʰ				
		Không bật hơi	Vô thanh		t	ʈ	c	k	ʔ
			Hữu thanh	b	d				
	Vang (mũi)			m	n		ɲ	ŋ	
	Xát	Ồn	Vô thanh		f	s	ʂ		ɕ
Hữu thanh			v	z	ʑ		ʎ		
Vang				l					

Theo công trình *Mandarin in Chinese phonetics* của Nhóm biên tập sách giáo khoa ngữ âm thuộc Trường Đại học Sư phạm Quốc lập Đài Loan thì tiếng Trung [13] có tổng cộng 21 phụ âm đầu, bao gồm: /p, p', m, f, t, t', n, l, k, k', x, tɕ, tɕ', ʃ, ʑ, z, ts, ts', s/. Về cơ quan cấu âm và phương thức cấu âm của các phụ âm tiếng Trung, như bảng sau:

Bảng 2. Bảng phụ âm đầu của tiếng Trung

Định vị Phương thức		Trên	Môi trên	Răng trên	Mặt sau răng trên (dưới)	Lợi trên	Ngạc cứng		Ngạc mềm
		Dưới	Môi dưới		Đầu lưỡi		Đầu lưỡi quặt	Mặt lưỡi trước	Mặt lưỡi sau
Trạng thái	Thanh đối	Tên tắt Luồng hơi	Môi môi	Môi răng	Đầu lưỡi trước	Đầu lưỡi	Đầu lưỡi quặt	Mặt lưỡi trước	Góc lưỡi
Tắc	Vô thanh	Không bật hơi	p			t			k
		Bật hơi	p'			t'			k'
Tắc xát	Vô thanh	Không bật hơi			ts		tɕ	tɕ	
		Bật hơi			ts'		tɕ'	tɕ'	
Vang (mũi)	Hữu thanh	Không bật hơi	m			n			
Vang (bên)	Hữu thanh	Không bật hơi				l			
Xát	Vô thanh	Không bật hơi		f	s		ʃ	ʑ	x
	Hữu thanh	Bật hơi					ʑ		

Từ hai kết quả của công trình trên, có thể thấy rằng tiếng Việt và tiếng Trung có 10 phụ âm đầu giống nhau, bao gồm: /m, f, t, t', n, l, k, ʂ, s, z/. Ngoài ra tiếng Trung không có 12 phụ âm đầu của tiếng Việt, bao gồm: /ʈ, c, b, d, ɕ, h, v, z, ʑ, ɲ, ʎ, ʔ/. Từ góc độ cơ quan cấu âm, cả tiếng Việt và tiếng Trung đều có 7 cơ

quan cầu âm giống nhau, bao gồm các âm: âm hai môi, âm môi răng, âm đầu lưỡi, âm đầu lưỡi bẹt và âm đầu lưỡi quặt, âm mặt lưỡi và âm gốc lưỡi. Nhưng tiếng Việt còn có thêm âm lưỡi con và âm hầu.

Từ góc độ phương thức cấu âm thì cả tiếng Việt và tiếng Trung đều có 4 phương thức giống nhau, gồm: âm tắc, âm xát, âm mũi và âm bên. Nhưng tiếng Trung còn có thêm phương thức tắc xát với số lượng khá nhiều. Như vậy, tắc xát là đặc tính đặc trưng của tiếng Trung.

Bên cạnh đó, nếu xét dưới góc độ của đặc tính vô thanh hoặc hữu thanh, có thể thấy phụ âm hữu thanh là một đặc tính nổi bật của phụ âm đầu tiếng Việt. Vì tiếng Việt có 11 phụ âm đầu hữu thanh, chiếm 50% so với toàn bộ số lượng phụ âm đầu của tiếng Việt. Hơn nữa, cả hai ngôn ngữ này chỉ có 4 phụ âm hữu thanh giống nhau, gồm: /m, n, l, z/. Còn 7 phụ âm hữu thanh còn lại của tiếng Việt thì tiếng Trung lại không có, gồm: /b, d, v, z, ʃ, ɲ, ɳ/.

Cuối cùng, xét ở đặc tính bật hơi thì có thể thấy rằng đây là một thuộc tính đặc trưng của tiếng Trung, gồm 6 phụ âm bật hơi, gồm: /p', t', k', ts', tɕ', tɕ'/. Trong khi đó tiếng Việt chỉ có duy nhất một phụ âm bật hơi /t'/, nhưng đặc tính bật hơi trong tiếng Việt yếu hơn rất nhiều so với tiếng Trung, tức luồng hơi đi ra không quá mạnh và nổi bật.

3. Phương pháp nghiên cứu và kết quả khảo sát

3.1. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp điều tra ngữ âm*: Để tìm ra các loại lỗi, nguyên nhân hình thành và quy luật hình thành lỗi phụ âm đầu tiếng Việt, người viết đã sử dụng phương pháp điều tra ngữ âm. Đầu tiên, xác định đối tượng và trình độ của đối tượng tiến hành điều tra, sau đó thiết kế bảng điều tra, cuối cùng là ghi âm phát âm của sinh viên khi tiến hành điều tra.

+ *Thiết kế bảng điều tra*: Bảng điều tra lỗi phụ âm tiếng Việt dùng tiến hành khảo sát được thiết kế gồm 154 từ [2] để phụ âm có thể kết hợp với toàn bộ phần vần của tiếng Việt [5]. Bảng từ này bao gồm 22 phụ âm đầu của tiếng Việt với tần suất mỗi phụ âm xuất hiện ít nhất là 4 lần, nhiều nhất là 22 lần nhằm khảo sát lỗi của toàn bộ 22 phụ âm đầu trong nhiều lần.

+ *Đối tượng tham gia khảo sát*: Số lượng cộng tác viên đọc bảng từ gồm 20 sinh viên Ngành Tiếng Việt, Khoa Đông Nam Á Đại học Quốc lập Cao Hùng. Đối tượng sinh viên gồm cả nam và nữ, tổng cộng là 13 sinh viên năm 2 và 7 sinh viên năm 3, có độ tuổi từ 19 đến 22 tuổi. Mỗi sinh viên sẽ đọc to lần lượt 154 từ trong bảng từ, người điều tra sẽ sử dụng bảng phiên âm quốc tế (IPA) để ghi lại.

+ *Phương pháp xử lý tư liệu điều tra*: Sau khi sử dụng phiên âm quốc tế ghi lại ngữ liệu, người viết thống kê số lần lỗi, tìm ra quy luật lỗi, rồi sử dụng kiến thức ngữ âm [6] và lý thuyết lỗi để miêu tả và đưa ra suy luận về nguyên nhân mắc lỗi nhằm làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy. Do vậy, không phải tất cả các lỗi sai thu được từ ngữ liệu khảo sát đều được phân tích, người viết chỉ phân tích những lỗi mang tính chất hệ thống, tức là có thể tìm được quy luật mắc lỗi của người học. Cho nên bài viết sẽ quy nạp lỗi theo nguyên tắc sau: Nếu từ 3 người trở lên đều mắc lỗi giống nhau với tần suất từ 30% trở lên thì được coi là lỗi (có quy luật). Hoặc tần suất của lỗi sai giống nhau không cao nhưng số người mắc lỗi từ 9 người trở lên thì cũng được coi là lỗi. Trong đó, số phần trăm (%) được tính bằng số lần lỗi trên tổng số phụ âm xuất hiện.

- *Phương pháp miêu tả*: Người viết dựa vào các đặc trưng ngữ âm của phụ âm [6], như: vị trí cấu âm, phương thức cấu âm, tính thanh, trường độ và sử dụng phiên âm quốc tế ghi lại các ngữ liệu trung gian của người học tiếng Việt để làm ngữ liệu phân tích lỗi sau này.

- *Phương pháp định tính*: căn cứ vào sự khác biệt của hệ thống ngữ âm phụ âm tiếng Việt và tiếng Trung [1] và từ ngữ liệu ngữ âm đã thu được từ bảng điều tra, người viết sử dụng phương pháp định tính để quy nạp, tổng hợp và phân tích ngữ liệu ngữ âm để phân tích và tìm ra quy luật của những lỗi ngữ âm này.

3.2. Kết quả khảo sát và phân tích lỗi

3.2.1. Lỗi phụ âm

Sau khi tiến hành khảo sát lỗi của 22 phụ âm đầu của tiếng Việt, người viết đã thống kê được được kết quả lỗi cụ thể của các phụ âm đầu như sau:

Bảng 3. Kết quả lỗi phát âm phụ âm tiếng Việt theo tỉ lệ (%)

Phụ âm lỗi	Loại lỗi	SINH VIÊN																			
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
b (6)	p	100	100	100	100	83	100	100	100	100	100	100	100	100	100	100	83	100	100	83	100
	p'					17															
	m																			17	
	l																17				
m (10)	v					10															
	n																			10	
f (6)	p'	17	17	17	17	17		17	33		17	17		17		17				17	
p (1)	p'		100								100										
v (6)	m															17					
t (17)	t'	18			6	24		6	35	12			6			29					6
d (6)	l	17			33	50	67	50	33	33	67	17	50	50	67	67	17	33	33	50	33
	ʒ												17								
l (16)	ʒ								6									13			
	ʒ'													6							
	t'													6							
	d													6							14
n (7)	ŋ																	14			
	ʒ																			14	
s (9)																					
z (11)	ts							9													
	tc																9				
	ʒ								9							9			9		9
	l	18																			
t (5)	l																	20	20		
	tc	20	20	20	60	80	40		20	20	40	40	40	40			20	20			
	ts'	40	60	20	40	20	40	20	40	20	40	20		20	20		20		20	20	40
	ʒ							20					20					20			
ʃ (7)	s				29	43	29	14	43	14	43	14		51				14		14	14
ʒ (7)	ts				14					14						29	14				
	tc							14						14							
	ts'					14															
	Y																			14	
	l				14	42			42		71	57	29			14				14	
	d										14										
	v																	14			
	k												14					14			
ʒ (5)	n	80	80		60	40	20	40	40	20	20	20	40			20	60			40	
	ŋ			20	20				40	20	20					40		40	40		20
c (13)	ts																	23			
	ʒ																	8			
	t																			8	
k (20)	k'	5			5	15	10	15	10		5				5	10	5	10			5
Y (6)	k	17		100	50	100	100		100	100	100		100	50	50	100	100	67	33	100	33
	ŋ											33						33			17

Qua bảng khảo sát trên có thể thấy phụ âm tiếng Việt bị phát âm sai thành 52 dạng, trong đó có 15 loại được coi là lỗi phát âm, bao gồm: 12 loại là lỗi phát âm với tần suất trên 3 lần, số người mắc lỗi phát âm nhiều hơn 3 người. Còn lại 3 loại lỗi phát âm khác dù tần suất mắc lỗi thấp nhưng số người mắc lỗi phát âm nhiều hơn 9 người.

3.2.2. Phân tích quy luật lỗi

Từ 15 loại lỗi phát âm phụ âm thực tế của người học có tiếng mẹ đẻ là tiếng Trung tại Đài Loan, người viết tiến hành phân tích cụ thể từng lỗi phụ âm này dưới góc độ vị trí cấu âm và phương thức cấu âm để có thể thấy được đầy đủ các nguyên nhân khác nhau dẫn tới lỗi, như sau:

- *Cơ quan cấu âm*: từ dữ liệu bảng trên có thể thấy rằng:

+ Phụ âm /t/ tiếng Việt là một phụ âm tắc, đầu lưỡi quặt, thường bị phát âm chuyển di thành /tɕ/ là một phụ âm tắc xát, mặt lưỡi của tiếng Trung. Ví dụ: [tɕn³²] (tròn) → [tɕɒn³²]; [tɕeu⁴⁴] (trêu) → [tɕeu⁴⁴]; [tɕen⁴⁴] (trên) → [tɕen⁴⁴]; [tɕɿŋ⁴⁴] (trăng) → [tɕɿŋ⁴⁴]; [tɕuŋ³²] (trùng) → [tɕuŋ³²].

+ Phụ âm /s/ tiếng Việt là một phụ âm xát, đầu lưỡi quặt, thường bị phát âm chuyển di thành /s/ là một phụ âm xát, đầu lưỡi bẹt của tiếng Trung. Ví dụ: [sɿu⁴⁴] (sâu) → [sɿu⁴⁴]; [sɒm³⁵] (sóm) → [sɒm³⁵]; [sɛk³⁵] (sách) → [sɛk³⁵]; ...

+ Phụ âm /z/ tiếng Việt là một phụ âm xát, đầu lưỡi quặt, thường bị phát âm chuyển di thành /l/ là một phụ âm đầu lưỡi bẹt, vang của tiếng Trung. Ví dụ: [zɿu⁴⁴] (râu) → [lɿu⁴⁴]; [zuɒŋ³¹] (ruộng) → [luɒŋ³¹]; [zoŋ³²] (ròng) → [loŋ³²]; ...

Sở dĩ xảy ra những lỗi phát âm phụ âm tiếng Việt như trên là vì mặc dù tiếng Trung cũng có phụ âm đầu lưỡi quặt nhưng đây là một đặc tính khó đối với người Đài Loan bởi người Đài Loan cũng thường không phát âm chuẩn các âm đầu lưỡi quặt nên họ thường có hiện tượng bẹt hóa các âm đầu lưỡi quặt [1], như: phát âm phụ âm /s/ là âm xát, đầu lưỡi quặt, vô thanh thành phụ âm /s/ là âm xát, đầu lưỡi, bẹt, vô thanh. Hoặc phụ âm /z/ là âm xát, đầu lưỡi, quặt, hữu thanh, thành phụ âm đầu lưỡi bẹt /z/, /l/. Ngoài ra, tiếng Trung không có đặc tính tắc đối với phụ âm đầu lưỡi quặt nên người học đã sử dụng phụ âm /tɕ/ là âm tắc xát, mặt lưỡi của tiếng Trung (Đây là phụ âm có cơ quan cấu âm gần đó) để thay thế cho /t/.

+ Phụ âm /χ/ tiếng Việt là một phụ âm xát, lưỡi con, thường bị phát âm chuyển di thành /k'/ là một phụ âm gốc lưỡi, vô thanh, bật hơi của tiếng Trung. Ví dụ: [χuɿe⁴⁴] (khuya) → [k'uɿe⁴⁴]; [χuɒn⁴⁴] (khuôn) → [k'uɒn⁴⁴]; [χak³⁵] (khác) → [k'ak³⁵]; ...

+ Phụ âm /ɲ/ tiếng Việt là một phụ âm mũi, mặt lưỡi, thường bị phát âm chuyển di thành /n/ là một phụ âm đầu lưỡi của tiếng Trung hoặc /ŋ/ là một phụ âm gốc lưỡi. Ví dụ: [ɲin³²] (nhìn) → [nin³²]; [ɲɒm³⁵] (nhóm) → [nɒm³⁵]; ...

+ Phụ âm /h/ tiếng Việt là một phụ âm hầu, thường bị phát âm chuyển di thành /x/ là một phụ âm xát, gốc lưỡi, vô thanh của tiếng Trung. Ví dụ: [hua⁴⁴] (hoa) → [xua⁴⁴]; [hop³¹] (hộp) → [xop³¹]; [het³⁵] (hét) → [xet³⁵]; ...

+ Phụ âm /ŋ/ tiếng Việt là một phụ âm mũi, gốc lưỡi, thường bị phát âm chuyển di thành /n/ là một phụ âm đầu lưỡi của tiếng Trung. Ví dụ: [ŋui³¹³] (ngủ) → [nui³¹³]; [e⁴⁴ ŋai³¹] (e ngại) → [e⁴⁴ nai³¹]; [vɛp³⁵ ŋa⁴³⁵] (vấp ngã) → [vɛp³⁵ na⁴³⁵].

Có thể thấy các lỗi phụ âm trên xảy ra là do tiếng Trung không có các phụ âm đầu /χ/, /ɲ/, /h/ hoặc có nhưng không mở đầu âm tiết, như /ɲ/. Do vậy, người học đã sử dụng phụ âm tiếng Trung có cơ quan cấu âm gần để thay thế bốn phụ âm tiếng Việt trên. Thậm chí, dù tiếng Trung ở Đài Loan chịu ảnh hưởng của tiếng Mân nhưng khi phát âm âm hầu /h/ của tiếng Việt thì người học vẫn sử dụng phụ âm xát, gốc lưỡi, vô thanh /x/ của tiếng Trung để thay thế.

- *Lỗi phụ âm do phương pháp cấu âm*: theo như bảng ngữ liệu thu được ở trên bao gồm các phụ âm sau:

+ Phụ âm /d/ tiếng Việt là một phụ âm tắc, đầu lưỡi, hữu thanh, thường bị phát âm chuyển đi thành /l/ là một phụ âm đầu lưỡi của tiếng Trung. Như vậy, dù tiếng Trung có đặc trưng tắc trong phương thức cấu âm nhưng không có đặc trưng tắc hữu thanh nên người học đã dùng âm có cùng cơ quan cấu âm là đầu lưỡi /l/ để thay thế /d/, hình thành lỗi về phương thức cấu âm. Đây là hiện tượng biến phụ âm tắc thành phụ âm bên. Ví dụ: [dɔ³⁵] (đỏ) → [lɔ³⁵]; [dɔm³¹] (đậm) → [lɔm³¹]; [dap³¹ se⁴⁴] (đạp xe) → [lap³¹ se⁴⁴].

+ Phụ âm /t/ tiếng Việt là một phụ âm tắc thường bị phát âm chuyển đi thành /tɕ/ và /tɕ/ là những phụ âm tắc xát của tiếng Trung. Dù tiếng Trung cũng có âm tắc nhưng không có âm tắc đầu lưỡi sau và người học thường không phát âm được những phụ âm đầu lưỡi sau, do vậy mới dẫn tới hiện tượng lỗi về phương thức cấu âm như trên. Ví dụ: [tɕɔn³²] (tròn) → [tɕɔn³² tɕ'ɔn³²]; [tɕeu⁴⁴] (trên) → [tɕeu⁴⁴ tɕ'eu⁴⁴]; [tɕen⁴⁴] (trên) → [tɕen⁴⁴ tɕ'en⁴⁴]; ...

Lỗi sai phụ âm do hiện tượng vô thanh hóa các phụ âm hữu thanh, tức là sử dụng các phụ âm vô thanh của tiếng Trung để thay thế các phụ âm hữu thanh của tiếng Việt, bao gồm:

+ Phụ âm /b/ tiếng Việt là một phụ âm tắc, hai môi, hữu thanh, thường bị phát âm chuyển đi thành /p/ là một phụ âm tắc, hai môi, vô thanh của tiếng Trung. Ví dụ: [bɔŋ³⁵ bɔi³¹³] (bóng bảy) → [pɔŋ³⁵ pɔi³¹³]; [ban³²] (bàn) → [pan³²]; ...

+ Phụ âm /ɣ/ tiếng Việt là một phụ âm xát, gốc lưỡi, hữu thanh, thường bị phát âm chuyển đi thành /k/ là một phụ âm tắc, gốc lưỡi, vô thanh của tiếng Trung. Ví dụ: [ɣɔn³² ɣui⁴³⁵] (gần gũi) → [kɔn³² kui⁴³⁵]; [ɣɔn³¹ ɣaŋ³²] (gọn gàng) → [kɔn³¹ kaŋ³²]; [ɣom³⁵] (gồm) → [kom³⁵].

Lỗi sai phụ âm do hiện tượng bật hơi hóa, tức là hiện tượng thêm đặc tính bật hơi của tiếng Trung cho các phụ âm không bật hơi của tiếng Việt. Có thể thấy đặc trưng bật hơi trong tiếng Trung là một đặc trưng nổi bật so với tiếng Việt, do vậy đã dẫn tới hiện tượng dịch chuyển bất lợi cho người Đài Loan khi học tiếng Việt.

+ Phụ âm /f/ tiếng Việt là một phụ âm xát, môi răng, vô thanh, thường bị phát âm chuyển đi thành /p'/ là một phụ âm tắc, môi môi, bật hơi của tiếng Trung. Vì tiếng Trung cũng có phụ âm đầu /f/ nhưng người học vẫn mắc lỗi phát âm này do bị ảnh hưởng bất lợi từ đặc tính bật hơi của tiếng Trung. Ví dụ: [fueŋ⁴⁴] (phương) → [p'ueŋ⁴⁴]; [fut³⁵] (phút) → [p'ut³⁵]; ...

+ Phụ âm /t/ tiếng Việt là một phụ âm tắc, đầu lưỡi, bật, vô thanh, thường bị phát âm chuyển đi thành /t'/ là một phụ âm tắc, đầu lưỡi, bật, vô thanh, bật hơi của tiếng Trung. Ví dụ: [tuɐ³²] (từ) → [t'ur³²]; [toi⁴⁴] (tôi) → [t'oi⁴⁴]; [tui⁴⁴] (tuy) → [t'ui⁴⁴]; ...

+ Phụ âm /t/ tiếng Việt là một phụ âm tắc, thường bị phát âm chuyển di thành /tʂ/ là phụ âm tắc xát, bật hơi của tiếng Trung. Ví dụ: [tɔn³²] (tròn) → [tʂ'ɔn³²]; [tɛu⁴⁴] (trêu) → [tʂ'eu⁴⁴]; [tɛn⁴⁴] (trên) → [tʂ'en⁴⁴];...

+ Phụ âm /k/ tiếng Việt là một phụ âm tắc, gốc lưỡi, vô thanh, thường bị phát âm chuyển di thành /k'/ là một phụ âm tắc, gốc lưỡi, vô thanh, bật hơi của tiếng Trung. Ví dụ: [kɿe⁴⁴] (kia) → [k'ɿe⁴⁴]; [kuǎi⁴⁴] (quay) → [k'uǎi⁴⁴]; [kɛŋ³⁵] (cánh) → [k'ɛŋ³⁵]; ...

+ Phụ âm /χ/ tiếng Việt là một phụ âm xát, lưỡi con thường bị phát âm chuyển di thành /k'/ là một phụ âm gốc lưỡi, vô thanh, bật hơi của tiếng Trung. Ví dụ: [χuɿe⁴⁴] (khuya) → [k'uɿe⁴⁴]; [χɛk³⁵] (khách) → [k'ɛk³⁵]; [χak³⁵] (khác) → [k'ak³⁵];...

4. Kết luận

Từ kết quả khảo sát lỗi phụ âm tiếng Việt của người học có tiếng mẹ đẻ là tiếng Trung. Và thông qua kết quả phân tích lỗi phụ âm thu được để tìm ra nguyên nhân mắc lỗi dựa trên lí thuyết lỗi, người viết đã tìm ra ba quy luật mắc lỗi chung mà ở mỗi quy luật này lại được chia ra thành nhiều quy luật lỗi cụ thể hơn. Quy luật lỗi thứ nhất là do sự chuyển dịch tiêu cực của ngôn ngữ ngoại biên, có thể thấy dù có cùng cơ quan cấu âm hay cơ quan cấu âm gần nhau nhưng do người học chưa nắm vững đặc trưng về phương thức cấu âm của phụ âm tiếng Việt nên đã chuyển dịch những đặc trưng phụ âm của ngôn ngữ mẹ đẻ (tiếng Trung) lên tiếng Việt, như:

- *Hiện tượng bật hơi hóa* các phụ âm không bật hơi của tiếng Việt, như: /k/ → /k'/; /t/ → /t'/; /χ/ → /k'/; /t/ → /tʂ'/; /f/ → /p'/;

- *Hiện tượng vô thanh hóa* âm hữu thanh của phụ âm tiếng Việt, như: /b/ → /p/; /ɣ/ → /k/; /d/ → /l/;

- *Hiện tượng tắc xát hóa* âm tắc của tiếng Việt, như: /t/ → /tɕ/; /t/ → /tʂ'/.

Ngoài ra, hiện tượng chuyển dịch tiêu cực của ngôn ngữ ngoại biên còn xảy ra ở cơ quan cấu âm, cụ thể là:

- *Hiện tượng đầu lưỡi hóa âm mũi* của tiếng Việt, dù cùng là âm mũi nhưng do tiếng Trung không có âm mũi ở vị trí mặt lưỡi và gốc lưỡi như tiếng Việt nên người học đã sử dụng âm mũi đầu lưỡi của tiếng Trung để thay thế, như: /ɲ/ → /n/; /ŋ/ → /n/;

- *Hiện tượng gốc lưỡi hóa* phụ âm hầu và phụ âm lưỡi con của tiếng Việt, vì cơ quan phát âm sâu nhất của phụ âm tiếng Trung là âm gốc lưỡi, do vậy với đặc trưng âm hầu và âm lưỡi con là những âm có vị trí sâu hơn cả âm gốc lưỡi thì người học đã sử dụng âm gốc lưỡi để thay thế, như: /h/ → /x/; /χ/ → /k'/. Hoặc chuyển dịch âm mũi mặt lưỡi của tiếng Việt thành âm mũi gốc lưỡi, như: /ɲ/ → /ŋ/.

Quy luật lỗi cuối cùng chính là hiện tượng chuyển di tiêu cực của ngôn ngữ xã hội. Do ảnh hưởng từ môi trường xã hội của người học tiếng Việt là tại Đài Loan mà đặc trưng ngữ âm Đài Loan chính là đầu lưỡi trước hóa những âm đầu lưỡi sau của tiếng Trung nên khi phát âm tiếng Việt cũng xảy ra hiện tượng tự, như: /s/ → /s/. Bên cạnh đó, tiếng Trung ở Đài Loan do ảnh hưởng của tiếng Mân nên thường phát âm r thành l, do đó khi phát âm tiếng Việt cũng xảy ra lỗi trên, như: /z/ → /l/. Từ những quy luật lỗi trên, người viết muốn cung cấp cho người dạy tiếng Việt những dữ liệu giúp người dạy hiểu được những khó khăn của người học, từ đó đưa ra những chiến lược giảng dạy phù hợp và hiệu quả, nâng

cao chất lượng giảng dạy phát âm tiếng Việt. Cụ thể như giới thiệu phương thức cấu âm và cơ quan cấu âm của các phụ âm lỗi được khảo sát ở trên, so sánh sự khác biệt về đặc tính phụ âm của tiếng Trung và tiếng Việt, thiết kế các hoạt động luyện tập phân biệt các phụ âm bị nhầm lẫn để người học có thể khắc phục các khó khăn trong quá trình phát âm và hình thành thói quen phát âm chuẩn phụ âm tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Thị Linh, *Đối chiếu ngữ âm phụ âm tiếng Việt và tiếng Trung*, Tạp chí nghiên cứu khoa học, Đại học Quốc lập Đông Hoa Đài Loan, 56-175., 2014.
2. Nguyễn Thị Linh, <https://docs.google.com/document/d/1BcfZ4rcDgjTIWnacO0OFIbZ51-ZhFe24/edit?usp=sharing&oid=103402151285725503394&rtpof=true&sd=true>, 2021.
3. Nguyễn Thiện Nam, *Đào tạo giáo viên tiếng Việt cho người nước ngoài, thực trạng và triển vọng: Trường hợp Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt*, Ngôn ngữ & Đời sống, 5-13, 2018.
4. Nguyễn Thiện Nam, *Khoa Việt Nam học và Tiếng Việt: Nửa thế kỉ đào tạo và nghiên cứu*, Ngôn ngữ & Đời sống, 3-4, 2018.
5. Trần Thị Minh Phương, *Dùng lí thuyết tâm - biên cho nghiên cứu âm vị học tiếng Việt*, Thư viện Quốc gia Việt Nam, 1993.
6. Đoàn Thiện Thuật, *Ngữ âm Tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.

Tiếng Anh

7. Jack Richards et al, *Longman dictionary of language teaching and applied linguistics*, Routledge, 2013.
8. Stephen Pit Corder, *Error analysis and interlanguage*, Oxford University Press, Oxford, 1981.
9. Uriel Weinreich, *Languages in contact: Findings and problems*, Linguistic Circle of New York, New York, 1953.

Tiếng Trung

10. Shu Jaw Min, Z. X., *Introduction to teaching Chinese as a foreign language*, Sanmin Publishing Co., Ltd., Taipei, 2009.
11. Chen, P. J., *Contrastive analysis in language pedagogy*, The Crane Publishing Co., Ltd., Taipei, 2007.
12. Chung, R.-F., *Linguistic contrastive analysis and teaching Chinese as a foreign language*, Cheng Chong book Co., Ltd., Taipei, 2009.
13. 國立臺灣師範大學 國音教材編輯委員會, *Mandarin in Chinese phonetics*, Cheng Chung book Co., Ltd., Taipei, 2014.